

Vốn xã hội và việc làm của sinh viên tốt nghiệp đại học ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Ngọc Sơn¹, Đặng Sao Mai²

¹ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Email: sonnn@neu.edu.vn

² Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Email: dsaomai@gmail.com

Nhận ngày 19 tháng 12 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2020.

Tóm tắt: Vốn xã hội là một trong những nguồn vốn của mỗi cá nhân, có vai trò quan trọng trong sự tích lũy vốn con người và là cơ hội để mỗi cá nhân có thể tìm kiếm việc làm hay thăng tiến trong công việc. Nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên tốt nghiệp sử dụng vốn xã hội như là một kênh tìm việc quan trọng nhất. Tuy nhiên, vốn xã hội của sinh viên hiện nay còn khá hạn chế với sự tham gia vào các hoạt động xã hội, vào các mạng lưới quan hệ xã hội còn rất ít. Điều này dẫn đến những thách thức đối với sinh viên khi tìm kiếm việc làm và cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Vấn đề tăng cường vốn xã hội của sinh viên đang được rất ít các trường đại học quan tâm và việc nghiên cứu vốn xã hội của sinh viên ở các trường đại học Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng để nhận diện thực trạng vốn xã hội của sinh viên, từ đó đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm nâng cao vốn xã hội của sinh viên và tăng các cơ hội việc làm cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam³.

Từ khóa: Vốn xã hội, sinh viên, việc làm.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Social capital, which is one of the sources of capital of each individual, plays an important role in the accumulation of human capital. It is also an opportunity for each individual to seek employment or advance in the job. Many studies show that graduates use social capital as the most important channel in seeking employment. However, students' social capital today is still rather limited, given their little participation in networks of social activities. This leads to challenges they face when looking for jobs and opportunities for career advancement. The issue of increasing their social capital has been paid with not much attention to by universities. The study of social capital of students in Vietnamese universities is very important to identify the current situation regarding the capital, thereby proposing orientations and solutions to enhance the capital and increase employment opportunities for university students in Vietnam.

Keywords: Social capital, students, employment.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Vốn xã hội là một thuật ngữ được đề cập nhiều trong giới khoa học xã hội vào những năm 1980 và đầu những năm 1990. Vốn xã hội cũng như tài nguyên thiên nhiên (vốn tự nhiên) hay máy móc thiết bị sản xuất (vốn sản xuất) là một trong số những nguồn vốn để thúc đẩy và phát triển nền kinh tế [3], [7] [8], [9]. Vốn xã hội được quan niệm là một loại vốn, bên cạnh các loại vốn khác như vốn kinh tế, vốn con người, vốn văn hóa [10], [11], [13]. Cho đến nay, khái niệm về vốn xã hội vẫn còn khiến không ít người cảm thấy lạ lẫm, bởi lẽ đây không chỉ là cụm từ được ghép từ những thuật ngữ thuộc các lĩnh vực khác nhau (“vốn” thuộc lĩnh vực kinh tế và “xã hội” hàm ý những giá trị về mặt văn hóa rất khó định lượng) mà còn bởi bản thân thuật ngữ này được dùng để chỉ một thực thể bao quát đến mức “mơ hồ và khó nắm bắt” [3], [5].

Vốn xã hội là các chuẩn mực và sự tán thành hay thừa nhận khiến cho hành động hợp tác giữa các cá nhân và các cộng đồng được dễ dàng [10], [12].

Thị trường lao động Việt Nam đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách để giải quyết tình trạng thất nghiệp, chất lượng nguồn lao động, mất cân đối cơ cấu lực lượng lao động. Hiện nay, thị trường lao động không còn tình trạng “việc chờ người” mà mỗi cá nhân phải chủ động tìm việc làm để có thu nhập đảm bảo cuộc sống [1]. Đồng nghĩa với việc những người thụ động sẽ rất dễ trở thành người thất nghiệp và không có việc làm. Thực tế vấn đề gây nhức nhối nhiều

năm qua được dư luận quan tâm là tìm kiếm việc làm đối với sinh viên mới ra trường. Các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng do đặc thù văn hóa phương Đông, các mối quan hệ với cha mẹ, người thân, họ hàng là một trong những nguồn vốn xã hội có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống cũng như cơ hội nghề nghiệp của các sinh viên mới ra trường [4]. Bên cạnh các mối quan hệ huyết thống và các cách tìm kiếm việc làm thông qua phương tiện truyền thông, các sinh viên mới tốt nghiệp có thể tận dụng các mối quan hệ từ thầy cô giáo, bạn bè, các thành viên tham gia trong các tổ chức, câu lạc bộ để tìm kiếm thông tin và tạo ra cơ hội tìm kiếm việc làm cho chính bản thân mình.

Xuất phát từ bối cảnh đó, muốn phát huy được tầm quan trọng của vốn xã hội trong thị trường lao động của Việt Nam hiện nay, cần phải nghiên cứu một cách cụ thể và sâu rộng ảnh hưởng của vốn xã hội đến việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Bài viết này phân tích nhận thức của sinh viên tốt nghiệp về vai trò vốn xã hội; tác động của vốn xã hội tới việc làm của sinh viên tốt nghiệp đại học (nghiên cứu trường hợp của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), từ đó khuyến nghị các giải pháp tăng cường vốn xã hội cho sinh viên nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học đối với sinh viên chính quy ở các khóa 52, 53, 54 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tốt nghiệp ra trường và đi xin việc làm. Thời gian thực hiện khảo sát từ các năm 2018, 2019 trong khuôn khổ thực hiện đề tài cấp Bộ KHA.2018.30 về “Nghiên

cứu vốn xã hội và việc làm của sinh viên các trường đại học ở Việt Nam”. Cách thức khảo sát, điều tra thông qua bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp. Tổng số phiếu điều tra thu về hợp lệ là 602 phiếu.

Sau đó, chúng tôi vận dụng lý thuyết kiểm định hệ số tương quan hạng Spearman để xử lý số liệu điều tra thu thập được bằng phần mềm SPSS 22. Kiểm định hệ số tương quan Spearman được áp dụng để kiểm định xem có tồn tại mối liên hệ giữa hai biến khi một trong hai biến là tiêu thức thuộc tính với thang đo thứ bậc hoặc các biến là tiêu thức số lượng nhưng không thỏa mãn điều kiện phân phối chuẩn.

Tính hệ số tương quan hạng Spearman (r_s)

Xếp hạng các đơn vị quan sát riêng cho từng biến X và biến Y theo thứ tự từ nhỏ đến lớn

Tính chênh lệch hạng của từng đơn vị: $d_i = x_i - y_i$ ($i = 1, n$)

$$\text{Tính } r_s = 1 - \frac{6 \sum d_i^2}{n(n^2 - 1)}$$

$r_s = \pm 1$: giữa X và Y có tương quan thuận hoặc nghịch hoàn hảo.

$r_s = 0$: không có mối liên hệ tương quan giữa X và Y.

$r_s \rightarrow \pm 1$: mối liên hệ giữa X và Y càng chặt chẽ.

✓ Giả thuyết cần kiểm định khi $r_s \neq 0$:

$H_0: \rho_s = 0$ (không tồn tại mối liên hệ giữa hai biến)

$H_1: \rho_s \neq 0$ (tồn tại mối liên hệ giữa hai biến)

Để đo lường, đánh giá mức độ ảnh hưởng của vốn xã hội đến các nhân tố khác, có thể sử dụng kiểm định tương quan hạng Spearman, trong đó cặp giả thuyết cần kiểm định:

$$\left\{ \begin{array}{l} H_0: \rho_s = 0 \text{ (không tồn tại mối liên hệ} \\ \text{tương quan tuyến tính)} \\ H_1: \rho_s \neq 0 \text{ (tồn tại mối liên hệ} \\ \text{tương quan tuyến tính)} \end{array} \right.$$

Kết quả kiểm định:

Nếu Sig. $< \alpha \rightarrow$ bác bỏ H_0 hay không tồn tại mối liên hệ tương quan tuyến tính

Nếu Sig. $> \alpha \rightarrow$ chưa đủ cơ sở bác bỏ H_0 hay tồn tại mối liên hệ tương quan tuyến tính.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nhận thức của sinh viên tốt nghiệp về vai trò của vốn xã hội

Theo khảo sát, điều tra xã hội học đối với 602 sinh viên chính quy ở các khóa 52, 53, 54 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tốt nghiệp ra trường và đi xin việc làm [6], các sinh viên sau khi tốt nghiệp có nhận thức rõ ràng về ý nghĩa các mối quan hệ xã hội đối với cơ hội việc làm của bản thân. Bên cạnh đó, chính là các đầu mối quan hệ với sinh viên, đặc biệt mối quan hệ trong gia đình còn có sự chủ động trong việc hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp tìm kiếm một công việc, và sinh viên tốt nghiệp thường đồng ý với công việc được tìm giúp.

Không chỉ các kết quả nghiên cứu định tính, các kết quả nghiên cứu định lượng cũng phản ánh rất rõ nhận thức của sinh viên tốt nghiệp về vai trò của vốn xã hội đối với bản thân họ (Bảng 1).

Bảng 1: Kết quả đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm

Đơn vị tính: phần trăm (%)					
TT	Yếu tố	Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Kết quả học tập	25	75	0	0
2	Chuyên môn	27	73	0	0
3	Tin học	9	91	0	0
4	Ngoại ngữ	13	88	0	0
5	Kinh nghiệm làm việc	11	86	3	0
6	Sức khỏe/ ngoại hình	4	76	20	0
7	Mối quan hệ xã hội sẵn có	21	60	19	0
8	Kỹ năng giao tiếp	20	75	5	0

Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2018

Các kết quả khảo sát điều tra [6] cho thấy yếu tố quan trọng nhất giúp sinh viên tốt nghiệp có việc làm tốt là chuyên môn và kết quả học tập với tỷ lệ trả lời rất quan trọng lần lượt là 27% và 25%. Có thể thấy rằng trình độ chuyên môn và học lực vẫn luôn được các nhà tuyển dụng quan tâm đầu tiên. Đối với một số nhà tuyển dụng ngay từ thông báo tuyển dụng đã có mô tả về điều kiện nộp hồ sơ, như: học chuyên ngành nào, xếp loại bao nhiêu trở lên hay nộp bằng điểm để họ nghiên cứu kết quả học tập đặc biệt chú ý đến các môn chuyên ngành có liên quan đến chuyên môn công việc. Có 21% sinh viên tốt nghiệp được hỏi đánh giá mối quan hệ sẵn có là rất quan trọng đối với quá trình tìm kiếm việc làm của họ. Ngược lại sức khỏe/ngoại hình được đánh giá ít quan trọng hơn cả với 20% cựu sinh viên được hỏi lựa chọn ít quan trọng và 4% được hỏi đánh giá quan trọng. Còn các yếu tố thiên về kỹ năng như tin học, ngoại ngữ, kinh nghiệm làm việc được các cử nhân đánh giá mức độ quan trọng bình thường. Như vậy, yếu tố mối quan hệ xã hội sẵn có là một yếu tố quan trọng tác động đến quá trình tìm kiếm việc làm tuy nhiên chưa được đánh giá cao ở mức rất quan trọng.

Thông qua thực tế và lý thuyết kiểm định hệ số tương quan hạng Spearman, có thể khẳng định rằng cử nhân Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có nhận thức rõ về tầm quan trọng và ảnh hưởng của việc sở hữu một mạng lưới quan hệ xã hội gắn với nguồn lực họ có thể huy động để phục vụ các mục tiêu của bản thân. Việc nhìn nhận này sẽ là tiền đề cho các hành động cụ thể nhằm tạo dựng cho họ nguồn vốn xã hội thông qua đầu tư, tích lũy và phát triển cho mình một mạng quan hệ xã hội phong phú. Bên cạnh đó, bản thân mỗi cựu sinh viên cũng phải chủ động nỗ lực tạo dựng và phát triển mạng lưới quan hệ xã hội của họ. Bởi bất kỳ ai cũng có thể tích lũy vốn xã hội cho bản thân nếu họ nỗ lực và chú ý vào việc tạo dựng mối quan hệ và cố gắng duy trì các mối quan hệ đó.

2.2. Tác động của vốn xã hội tới việc làm của sinh viên

2.2.1. Tham gia các hoạt động

Qua việc thu thập, tổng hợp thông tin phiếu điều tra của 602 sinh viên chính quy các khóa 52, 53, 54 trong các năm 2018, 2019, có thể thấy rằng gần 98,5% sinh viên

tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tại thời điểm điều tra đều có việc làm. Trong đó, 46% số người có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, 50% số cựu sinh viên đều tìm được việc làm sau 1-6 tháng và 4% số cựu sinh viên tìm được làm sau từ 6-12 tháng. Đây là những con số khả quan về việc làm của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trong thời kỳ thị trường việc làm đang khó khăn.

Những cựu sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động, các tổ chức, các câu lạc bộ, hội... thì có nhiều cơ hội tìm được việc làm, thời gian tìm kiếm được việc làm cũng nhanh hơn và đến thời điểm điều tra (2018, 2019) có nhiều bạn đã tìm được công việc tương đối ổn định. Cụ thể những người tham gia từ 2-3 tổ chức, câu lạc bộ, hội... khả năng có việc làm ngay là 80%, trong đó cựu sinh viên chủ yếu làm việc trong loại hình tổ chức doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn. Cụ thể hơn, các đối tượng luôn có khoảng 1-3 người bạn bè sẵn sàng có thể cung cấp những thông tin cần thiết cho sinh viên tốt nghiệp, họ có thể đưa ra lời khuyên cho những vấn đề cá nhân gặp

phải, có thể đưa ra lời khuyên liên quan đến pháp lý, hành chính khi cần. Tuy nhiên, số bạn bè có khả năng tạo ra công ăn việc làm cho người khác rất ít, chỉ chiếm 1-3% do độ tuổi của bạn bè còn khá trẻ. Những cựu sinh viên biết tích lũy cho mình các mối quan hệ, các mạng lưới xã hội, vốn xã hội sẽ có được thông tin, sự hỗ trợ và nhanh chóng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp hơn. Nhiệt tình năng động tham gia vào các hoạt động ngoại khóa không chỉ tích lũy cho bản thân những mối quan hệ mà còn là cơ hội để học hỏi, trau dồi các kỹ năng mềm khác như giao tiếp, xử lý tình huống... Đây cũng là một trong những yêu cầu mà các nhà tuyển dụng luôn đề cao khi tuyển chọn nhân sự.

2.2.2. Các mối quan hệ trong gia đình

Qua điều tra, khảo sát [6] nhận thấy rằng sự hỗ trợ từ các mối quan hệ xã hội đối với sinh viên tốt nghiệp trong quá trình tìm kiếm việc làm đóng một vai trò rất quan trọng. Đặc biệt là sự hỗ trợ từ các mối quan hệ trong gia đình (Bảng 2).

Bảng 2: Tương quan giữa biến số “sự hỗ trợ thành viên trong gia đình”

Các biến số	Spearman (Sig.)
Trình độ học vấn của bố (<i>Trên đại học = 1, dưới đại học = 0, Đại học</i>)	0,923** 0,000
Trình độ học vấn của mẹ (<i>Trên đại học = 1, dưới đại học = 0, Đại học</i>)	0,046 0,429
Thời gian tìm được việc làm (<i>Từ 1-6 tháng = 1, trên 6 tháng = 0</i>)	0,136* 0,018
Kết quả học tập (<i>Giỏi, xuất sắc = 1, trung bình, khá = 0</i>)	0,054 0,355
Giới tính (<i>Nam = 1, Nữ = 0</i>)	-0,043 0,463

* Mức ý nghĩa thống kê 5%, ** Mức ý nghĩa thống kê 1%; (1= có, 0 = không) với các biến số khác

Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2018

Bảng 2 trình bày kết quả tính toán hệ số tương quan Spearman phản ánh mối liên hệ tuyến tính giữa việc có hay không nhận được sự hỗ trợ từ các thành viên trong gia đình với các biến số khác. Trong đó, biến số “trình độ học vấn” của bố có mối quan hệ với khả năng hỗ trợ từ các thành viên trong gia đình đối với sinh viên tốt nghiệp. Cụ thể, những sinh viên tốt nghiệp có bố đạt trình độ học vấn càng cao sẽ có xu hướng nhận được nhiều hơn sự hỗ trợ từ các thành viên trong gia đình (Spearman = 0,923, Sig. = 0,000). Trình độ học vấn thuộc về vốn con người, đây là một biến số độc lập có mối liên hệ với vai trò, vị thế xã hội cũng như quy mô nguồn lực mà các cá nhân có thể tích lũy; trong mối quan hệ với con cái, vốn xã hội của bố mẹ lại trở thành nguồn vốn xã hội có ảnh hưởng tới cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Kết quả khảo sát trên phù hợp với thực tế lý giải theo cách của Lin tìm kiếm việc làm của sinh viên tốt nghiệp [12], trình độ học vấn cao của bố tỷ lệ thuận với các nguồn lực (kinh tế, văn hóa, xã hội, con người) đạt được. Khi mà các nguồn lực ấy được thể hiện trong mạng lưới quan hệ, đặc biệt mạng lưới với sự chi phối của thiết chế gia đình, thì sinh viên với tư cách thành viên có nhiều hơn cơ hội khai thác các nguồn lực này. Sự khai thác ở đây chính là một cách chủ động hoặc thụ động nhận được sự hỗ trợ từ gia đình trong quá trình tìm kiếm việc làm của họ.

Kết quả hệ số tương quan cho thấy những sinh viên tốt nghiệp có sự hỗ trợ từ các mối quan hệ trong gia đình thì thời gian tìm việc sẽ ngắn hơn hay nhanh chóng tìm được việc làm so với những sinh viên không có sự hỗ trợ từ gia đình (Spearman = -0,136, Sig. = 0,018). Điều này cũng đúng với thực tiễn trong quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên. Nhờ có sự giúp đỡ từ các

mối quan hệ gia đình, có trường hợp ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, các cựu sinh viên đã tìm kiếm được một vài chỗ làm hoặc ra trường sẽ có thêm nhiều thông tin đáng tin cậy để tham gia ứng tuyển vào các việc làm, vị trí phù hợp. Đây cũng là xu hướng tìm việc làm của các sinh viên khi mới tốt nghiệp.

Xem xét sự hỗ trợ từ các mối quan hệ trong gia đình của sinh viên tốt nghiệp cũng có sự không đồng nhất. Khác trình độ học vấn của bố, trình độ học vấn của mẹ lại không có mối quan hệ với khả năng hỗ trợ từ các thành viên trong gia đình đối với sinh viên tốt nghiệp, với Sig. = 0,429 chứng tỏ trình độ học vấn của mẹ không tác động vào quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên. Ngược lại với trình độ học vấn của bố, thời gian tìm việc làm, các yếu tố kết quả học tập, giới tính không có mối liên hệ nào với khả năng khai thác các nguồn lực từ mối quan hệ từ gia đình của sinh viên tốt nghiệp khi các kết quả thống kê đều có mức ý nghĩa Sig. > 0,05 cụ thể, kết quả học tập Sig. = 0,355 và giới tính Sig. = 0,463. Như vậy, qua kết quả thu được cho thấy sự hỗ trợ trong gia đình không có liên kết với kết quả học tập. Tương tự, sự hỗ trợ từ gia đình cũng không có sự phân biệt giữa giới tính nam hay nữ trong quá trình tìm kiếm việc làm của cựu sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.2.3. Các mối quan hệ từ bạn bè

Mối liên hệ giữa quy mô mạng lưới của sinh viên tốt nghiệp với sự hỗ trợ của bạn bè có phần chặt chẽ hơn so với nhóm quan hệ trong gia đình. Tuy nhiên, không phải với tất cả các nguồn lực đều như vậy. Đối với nhóm bạn của sinh viên ra trường là những người cùng chia sẻ kinh nghiệm sống, đặc biệt là những kinh nghiệm trong

lĩnh vực chuyên môn chung, do đó khi sinh viên càng có nhiều mối quan hệ bạn bè có khả năng hỗ trợ người khác tìm kiếm một công việc tốt yếu họ sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ từ nhóm quan hệ này để tìm kiếm việc làm (Bảng 3).

Bảng 3: Tương quan giữa biến số “sự hỗ trợ từ bạn bè”

Các biến số	Spearman (sig.)
(1 Số lượng câu lạc bộ tham gia = 1, từ 2 trở lên = 0)	-1,26*
Giới tính (<i>Nam = 1, Nữ = 0</i>)	0,03
Thời gian tìm kiếm việc làm (<i>Từ 1-6 tháng = 1, trên 6 tháng = 0</i>)	-0,15
	0,799
	-0,12
	0,835

* Mức ý nghĩa thống kê 5%, ** Mức ý nghĩa thống kê 1%; (1 = có, 0 = không) với các biến số khác.

Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2018

Khác với các mối quan hệ khác, số lượng tổ chức, câu lạc bộ, hội... mà sinh viên tham gia trong quá trình học tập có mối liên hệ với hỗ trợ từ bạn bè đối với sinh viên tốt nghiệp trong tìm kiếm việc làm. Nói cách khác, việc tham gia vào các tổ chức, đơn vị, câu lạc bộ đã giúp sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tích lũy được thêm nhiều mối quan hệ, mạng lưới xã hội, từ đó, ảnh hưởng tới khả năng hỗ trợ của bạn bè đối với sinh viên tốt nghiệp trong tìm kiếm việc làm (Spearman = -1,26; Sig. = 0,03). Tuy nhiên về giới tính và thời gian tìm kiếm thì ngược lại. Sinh viên tốt nghiệp dù là nam hay nữ thì xu hướng nhận được sự hỗ trợ từ nhóm bạn trong tìm kiếm việc làm chưa chắc đã nhiều hơn (Spearman = -0,15; Sig. = 0,799).

Qua phân tích về sự hỗ trợ đối với tìm kiếm việc làm của sinh viên tốt nghiệp từ hai nhóm quan hệ xã hội gia đình và bạn bè có thể rút ra một nhận xét về sự khác biệt. Sự hỗ trợ từ các mối quan hệ trong gia đình đối với sinh viên tốt nghiệp có phần linh hoạt hơn. Bên cạnh phụ thuộc vào quy mô nguồn lực thì các thành viên trong gia đình

còn có sự nỗ lực bù đắp những gì thành viên của họ còn hạn chế. Trong khi đó nhóm bạn chỉ có thể hỗ trợ các thành viên của mình những gì là thế mạnh của họ. Thực tế này phản ánh mức độ liên kết chặt chẽ giữa sinh viên tốt nghiệp với các thành viên trong gia đình khi tìm kiếm việc làm. Đối với các mối quan hệ trong gia đình, các nguồn lực được khai thác một cách thuận lợi và dễ dàng hơn, thậm chí không phụ thuộc vào thực tế quy mô nguồn lực đó là lớn hay nhỏ. Trong khi đó các mối quan hệ với nhóm bạn bè phản ánh mức độ liên kết yếu hơn. Sinh viên tốt nghiệp chỉ có thể huy động nhiều hơn các nguồn lực nếu mạng lưới quan hệ xã hội từ bạn bè lớn hơn và có nhiều nguồn lực hơn. Với các mối quan hệ gia đình, đôi khi quy mô nguồn lực không nhất thiết tỷ lệ thuận với khả năng huy động bởi đặc thù của ràng buộc trách nhiệm của các mối liên kết chặt chẽ giữa các thành viên. Trái lại, mối quan hệ lỏng lẻo hơn với nhóm bạn chịu sự chi phối bởi các nhân tố khách quan là quy mô của nguồn lực mà cá nhân có thể huy động được.

2.2.4. *Mức độ ổn định của công việc*

Trong các nội dung phỏng vấn sâu cá nhân đối với sinh viên tốt nghiệp, giá trị “ổn định” thường xuyên được nhắc tới trong định hướng công việc cũng như đánh giá về kết

quả tìm kiếm việc làm của họ. Có một mối liên hệ giữa định hướng giá trị này với các nguồn lực tiềm năng gắn với các mối quan hệ xã hội trong gia đình hướng sinh viên tới các môi trường làm việc thuộc khu vực công như một vòng khép kín (Bảng 4).

Bảng 4: Tương quan giữa biến số “mức độ ổn định công việc”

Các biến số	Spearman (sig.)
Kết quả học tập (Giỏi, xuất sắc = 1, Trung bình, khá = 0)	0,052 0,368
Hỗ trợ từ gia đình (Có = 1, Không = 0)	0,871** 0,000
Hỗ trợ từ bạn bè (Có = 1, Không = 0)	0,013 0,817
Thời gian tìm kiếm việc làm (Từ 1-6 tháng = 1, trên 6 tháng = 0)	0,143* 0,013
Giới tính (Nam = 1, Nữ = 0)	-0,012 0,841

* Mức ý nghĩa thống kê 5%, ** Mức ý nghĩa thống kê 1%; (1 = có, 0 = không) với các biến số khác.

Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2018

Có thể thấy rằng mức độ thay đổi công việc không hoàn toàn tương đồng giữa các nhóm sinh viên tốt nghiệp. Bảng 4 cho thấy, dù kết quả học tập của cựu sinh viên là xuất sắc, giỏi, khá hay trung bình thì mức độ ổn định công việc của các nhóm sinh viên này chưa chắc khác nhau. Điều này cũng phù hợp với thực tế, vì không phải sinh viên nào mới ra trường cũng có thể may mắn tìm được một công việc ổn định và phù hợp với bản thân. Xu hướng các sinh viên mới tốt nghiệp thường thay đổi việc làm liên tục để tìm kiếm môi trường tốt với bản thân và thỏa mãn sự đam mê, ham học hỏi, thích thay đổi của các bạn.

Hệ số tương quan giữa sinh viên có sự hỗ trợ việc làm từ gia đình với đánh giá mức độ ổn định trong công việc Spearman

= 0,871, Sig. = 0,000. Trong khi đó con số này với những sinh viên tốt nghiệp có sự hỗ trợ bạn bè là 78,6%, hệ số tương quan Spearman = 0,013, Sig. = 0,817. Điều này phù hợp với thực tế hiện nay. Thường những sinh viên tìm kiếm việc làm qua sự giúp đỡ của gia đình sẽ có tính ổn định hơn so với những bạn không có sự trợ giúp. Qua số liệu thực tế càng khẳng định, những công việc được giới thiệu qua mối quan hệ từ gia đình luôn có sự ổn định hơn so với sự giúp đỡ từ bạn bè hay các mối quan hệ khác.

Thời gian tìm kiếm việc làm cũng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự ổn định công việc. Bảng 4 cho thấy, sự ổn định của công việc có mối liên hệ với thời gian tìm kiếm công việc

của cựu sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Cụ thể hệ số tương quan Spearman = 0,143 với Sig. = 0,013 tức là cựu sinh viên có thời gian tìm kiếm từ 1-6 tháng thì dễ tìm kiếm được công việc ổn định hơn nhóm tìm kiếm việc làm từ 6 tháng trở lên. Dễ dàng nhận thấy, những cựu sinh viên dễ dàng tìm được công việc từ 1-6 tháng sau khi tốt nghiệp là những bạn có mạng lưới xã hội tốt, kỹ năng mềm tốt, đã tham gia nhiều các tổ chức, câu lạc bộ, hội... nên nhanh chóng bắt kịp với thị trường lao động.

Một lần nữa, giới tính không có sự ảnh hưởng đến mức độ ổn định công việc, cụ thể hệ số tương quan Spearman = -0,012 và Sig. = 0,841 tức là giữa nam và nữ không có sự khác biệt và mức độ ổn định công việc trong quá trình tìm kiếm việc làm. Qua quá trình điều tra thu thập được thêm thông tin, các nhóm sinh viên tốt nghiệp từng thay đổi công việc, có thể thấy rằng theo thời gian, mức độ ổn định trong công việc của sinh viên tốt nghiệp ngày càng tăng lên. Điều này cho thấy mối quan hệ xã hội ảnh hưởng tích cực đến mức độ ổn định công việc của sinh viên tốt nghiệp. Những sinh viên tốt nghiệp càng tích lũy được nhiều mối quan hệ có thể hỗ trợ tìm kiếm một công việc thì xu hướng ổn định công việc càng cao.

3. Kết luận

3.1. Đối với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Trường đại học trước tiên cần tiếp tục không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đạt chuẩn đầu ra ngày càng đáp ứng

nhu cầu của thị trường lao động. Trong đó, cần đặc biệt lưu ý tới việc tạo điều kiện cho sinh viên được thực tập, vận dụng các kiến thức chuyên môn được đào tạo vào công việc thực tế bằng việc tổ chức các chuyến đi khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy... Kinh nghiệm làm các công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo ở đại học có tác động tích cực đến quá trình tìm kiếm và hầu hết các khía cạnh của công việc mà sinh viên tốt nghiệp đạt được.

Bên cạnh đó, nhà trường có thể hỗ trợ sinh viên phát triển mạng quan hệ và vốn xã hội thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể xã hội hoạt động ngày càng hiệu quả thu hút sự tham gia của đông đảo sinh viên bằng cách bố trí không gian riêng cố định để các tổ chức đoàn thể sinh hoạt chung.

Cần tạo điều kiện phát triển mối quan hệ giữa sinh viên với cán bộ và giảng viên ở đại học, đặc biệt với các cán bộ trẻ trong độ tuổi tham gia các tổ chức đoàn thể này hoặc thông qua các buổi sinh hoạt lớp, tọa đàm với các thầy cô, ban lãnh đạo khoa. Mối quan hệ này không chỉ có ý nghĩa tích cực ở khía cạnh chuyên môn mà còn có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường như các kết quả nghiên cứu của luận án đã chỉ rõ về sự hỗ trợ hữu ích từ phía thầy/ cô và trường đại học đối với sinh viên tốt nghiệp trong tìm kiếm việc làm. Khuyến khích sự tham gia các hoạt động xã hội và tổ chức xã hội trong nhà trường có thể trên cơ sở tự nguyện. Nhà trường cần tổ chức thêm nhiều buổi hội thảo, chương trình, hoạt động như “Ngày hội việc làm”, “Định hướng việc làm cho tân cử nhân”... hay các buổi trao đổi kinh nghiệm tuyển dụng để

nhanh chóng tìm được công việc phù hợp với bản thân của các tân cử nhân. Trường cũng cần chủ động gia tăng nguồn vốn xã hội của chính đơn vị mình thông qua việc nâng cao uy tín xã hội và tăng cường các hoạt động hợp tác với các đơn vị bên ngoài, trong đó có các đơn vị sử dụng lao động. Uy tín xã hội của trường đại học cũng chính là một nguồn lực quan trọng đối với sinh viên tốt nghiệp trong quá trình tham gia vào thị trường lao động.

Việc thiết lập, duy trì và phát triển mối liên hệ giữa trường đại học với mạng lưới cựu sinh viên cũng cần thiết. Nên tổ chức định kỳ hàng năm những cuộc họp mặt các cựu sinh viên của trường nhằm mở rộng mối quan cho cựu sinh viên, là cầu nối tiềm năng đến một môi trường lao động nghề nghiệp gắn với các nguồn lực phong phú. Bên cạnh đó, nhà trường cần thường xuyên cập nhật các tấm gương cựu sinh viên thành công trong sự nghiệp để các sinh viên tốt nghiệp có thêm kênh thông tin và mong muốn tham gia vào các hoạt động của mạng lưới cựu sinh viên. Việc tạo dựng được mạng lưới cựu sinh viên bền vững sẽ là nguồn vốn xã hội tập thể đối với hoạt động phát triển nhà trường nói chung và sự hỗ trợ việc làm, phát triển nghề nghiệp của sinh viên nói riêng.

3.2. Đối với sinh viên

Đầu tư phát triển vốn xã hội là điều cần thiết và có ý nghĩa thiết thực đối với đời sống nói chung và mục tiêu tìm kiếm việc làm và phát triển sự nghiệp nói riêng của sinh viên tốt nghiệp.

Trước tiên, mỗi sinh viên phải tự ý thức được vai trò và tầm quan trọng của vốn xã

hội. Bên cạnh nguồn vốn xã hội được kế thừa từ các mối quan hệ với các thành viên trong gia đình các cá nhân cần nỗ lực phát triển các mối quan hệ bên ngoài gia đình thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội, nhóm bạn, hoạt động xã hội. Cá nhân sinh viên phải tích cực tham gia vào các hoạt động của tập thể lớp, của khoa và của nhà trường. Đặc biệt ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, các bạn sinh viên phải chủ động tham gia vào quá trình tích lũy mạng lưới quan hệ, vốn xã hội của bản thân như tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, các đội sinh viên tình nguyện, các câu lạc bộ về chuyên môn, sở thích, kỹ năng mềm... Tận dụng sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật để mở rộng giao lưu, kết bạn, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi trên mạng xã hội như facebook, zalo, twitter, forum... Thêm vào đó, sinh viên có thêm tham gia vào các chương trình thực tập của các doanh nghiệp, tập đoàn để có học hỏi, có thêm kinh nghiệm, tích lũy cho bản thân mối quan hệ và nắm bắt thêm cơ hội tìm kiếm việc làm.

Phát triển nguồn vốn xã hội cần trên cơ sở sự có đi có lại, tạo dựng lòng tin, tích cực tham gia các tổ chức và hoạt động xã hội và tăng cường mối quan hệ với các cá nhân, đặc biệt là các đối tác sở hữu nhiều nguồn lực tiềm năng. Tuy nhiên sinh viên tốt nghiệp cần ý thức rằng vốn xã hội không phải luôn có ý nghĩa tích cực. Chính vì vậy các sinh viên không nên ỷ lại mà tự bản thân cũng phải tích lũy thêm nhiều kỹ năng, và các nguồn vốn khác để phát triển toàn diện và trang bị đầy đủ, sẵn sàng bước tham gia vào tuyển dụng trong thị trường lao động. Vốn xã hội đóng vai trò quan

trọng trong quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp. Mạng lưới xã hội giúp các bạn sinh viên sau khi tốt nghiệp tận dụng được hết mối quan hệ, bộc lộ hết khả năng của mình để nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp và mong muốn của bản thân.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy rằng vốn xã hội có ảnh hưởng đến quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp. Những cựu sinh viên càng tích cực tham gia các hoạt động, các phong trào, các câu lạc bộ, hội... thì mạng lưới xã hội càng rộng. Thêm vào đó, qua quá trình tham gia này, ngoài tích lũy cho bản thân thêm nhiều mối quan hệ, các cựu sinh viên còn trau dồi các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo, thuyết trình, nâng cao sự tự tin... Nhờ vậy, nhiều bạn sau khi tốt nghiệp đã nhanh chóng có cơ hội tìm kiếm việc làm và đáp ứng được ngay các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Ngoài ra sự giúp đỡ từ các mối quan hệ trong gia đình cũng là một tiền đề, giúp các bạn cựu sinh viên định hướng tốt trong quá trình gia nhập thị trường lao động và đem lại các cơ hội việc làm có tính ổn định và chắc chắn.

Chú thích

³ Nghiên cứu thuộc đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu vốn xã hội và việc làm của sinh viên các trường đại học ở Việt Nam”, mã số KHA.2018.30.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Huy Cường (2014), “Mạng lưới quan hệ xã hội với việc làm của sinh viên tốt nghiệp”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 4.
- [2] Trần Hữu Dũng (2006), “Vốn xã hội và phát triển kinh tế”, Tạp chí *Tia sáng*, số 13.
- [3] Lê Ngọc Hùng (2003), “Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
- [4] Trần Hữu Quang (2006), “Tìm hiểu khái niệm về vốn xã hội”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7.
- [5] Hoàng Bá Thịnh (2009), “Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
- [6] Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2017), *Báo cáo đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*, Hà Nội.
- [7] Bourdieu and Wacquant (1992), “The practice of Reflexive Sociology”, The University of Chicago Press.
- [8] Bourdieu P. (1986), “The Forms of capital”, In: Richardson, J.G (Ed.), *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, Greenwood Press, Westport, New York.
- [9] Coleman S. J. (1988), “Social Capital in the Creation of Human - Capital”, *American Journal of Sociology*, Vol. 94.
- [10] Fukuyama F. (2001), “Social capital, civil society and development”, *Third World Quarterly*, Vol 22, No. 1.
- [11] Hanifan (1916), “The rural school community center”, *Annals of the American Academy of Political and Social Science*.
- [12] Lin N. (1999), “Social Networks and Status Attainment”, *Annual Review of Sociology*, Vol 25.
- [13] Putnam R. D. (1995), “Tuning In, Tuning Out: The Strange Disappearance of Social Capital in America”, *Political Science and Politics*, Vol 28, No 4.

